

nghĩa vụ làm việc ở các công trường thủy lợi do Nhà nước đầu tư như sau :

a) Dân công làm lao động thường, đạt định mức lao động được trợ cấp 1 kilôgam gạo.

b) Dân công có nghề, làm đúng nghề nghiệp được trợ cấp từ 1,20 đến 1,50 kilôgam gạo.

Giá gạo tính theo giá chỉ đạo của Nhà nước bán cho cán bộ, công nhân viên tại khu vực có công trường.

Điều 2. — Hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp có trách nhiệm cân đối, điều hòa lương thực cho người đi dân công nghĩa vụ.

Trường hợp bị thiên tai, địch họa mất mùa mà hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp không có điều kiện giải quyết được lương thực thì Ủy ban Nhân dân huyện xét bán thêm phần lương thực cho đủ 0,700 kg/1 định mức theo giá gạo nói ở điều 1 của Quyết định này.

Hợp tác xã, tập đoàn sản xuất có trách nhiệm cân đối lương thực cho đội viên đội thủy lợi chuyên trách sao cho mức ăn mỗi người bằng hoặc hơn mức ăn của xã viên, giới và tập đoàn viên giới.

Điều 3. — Người đi dân công nghĩa vụ được thanh toán tiền ăn đường, tiền tàu xe lần đi, lần về, và các chế độ khác như săn sóc khi ốm đau, tai nạn lao động, bị thương, bị chết do làm nghĩa vụ theo chế độ hiện hành.

Điều 4. — Các chi phí cho dân công nghĩa vụ được tính vào dự toán công trình thủy lợi.

Điều 5. — Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ

tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó chủ tịch

TỔ HỮU

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

Y TẾ — TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ liên Bộ Y tế — Tài chính số 8-TTLB ngày 14-4-1986 sửa đổi định mức chi bình quân giường bệnh/năm áp dụng cho các bệnh viện thuộc các tỉnh, thành phố và các ngành quản lý.

Đề phù hợp với hệ thống giá và lương mới, liên Bộ Y tế — Tài chính quy định lại mức chi bình quân giường bệnh/năm đối với các bệnh viện huyện, tỉnh và các thành phố trực thuộc Trung ương do ngành Y tế và các ngành khác quản lý (trước đây quy định tại Thông tư số 21-TT/LB ngày 22-7-1985 của liên Bộ) như sau:

I. ĐỊNH MỨC CHI THƯỜNG XUYÊN

1. Định mức chi bình quân giường bệnh/năm (bao gồm 3 nhóm: nhóm I: Chi về bộ máy; nhóm II: Chi về hành chính quản lý; nhóm III: Chi về nghiệp vụ chữa bệnh) áp dụng cho các loại bệnh viện, nhà điều dưỡng theo các mức sau đây:

LOẠI BỆNH VIỆN	Định mức chi bình quân giường bệnh	
	Nhóm II + III	Nhóm I
1. Bệnh viện đa khoa tuyến III		
— Bệnh viện huyện, thị xã	4200 — 5300	3800 — 4200
— Bệnh viện quận	5300 — 6500	4200 — 4500
2. Bệnh viện đa khoa tuyến IV		
— Bệnh viện tỉnh	7200 — 8500	5800 — 6500
— Bệnh viện thành phố trực thuộc Trung ương	7500 — 9500	6500 — 7000
3. Bệnh viện chuyên khoa tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	7200 — 8500	5800 — 6500
	6200 — 7700	2800 — 3300
4. Nhà điều dưỡng		
5. Bệnh viện các ngành	6000 — 7200	5500 — 6300
6. Trạm y tế cơ sở có giường bệnh và nhà hộ sinh	3000 — 3500	2500 — 3000

2. Các khoản chi về lương và phụ cấp lương phải căn cứ vào định mức lao động theo Quyết định số 253-UBKH ngày 29-5-1978 của Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và phải kiểm tra và cấp phát chặt chẽ theo quy định Thông tư số 19-TTLB ngày 10-10-1964 của liên Bộ Tài chính — Ngân hàng. Các khoản chi về lương và phụ cấp lương tuy tính chung vào kinh phí nhưng là một khoản độc lập, khi thay đổi thì được xem xét cấp thêm để không ảnh hưởng đến kinh phí của nhóm II và nhóm III.

3. Định mức chi thường xuyên được cấp phát theo giường bệnh thực sự sử dụng (tổng số ngày điều trị/340 ngày). Nếu bệnh viện thực hiện vượt mức kế hoạch giường bệnh được giao thì được cấp bổ sung từ 40 đến 50% định mức chi thường xuyên theo tỷ lệ tăng lên tương ứng, nhưng không vượt quá 10% số giường bệnh kế hoạch của bệnh viện.

4. Hàng năm, định mức bình quân giường bệnh được liên Bộ xem xét lại cho phù hợp với tình hình giá cả.

II. CÁC KHOẢN CHI NGOÀI ĐỊNH MỨC

1. Chi về điều trị ngoại trú đối với công nhân viên chức Nhà nước (kể cả hưu trí, mất sức được hưởng lương hưu, trợ cấp

hàng tháng) bị mắc bệnh mãn tính, bệnh xã hội, bệnh nghề nghiệp, bệnh dịch.

2. Chi về cấp phát thuốc cho đối tượng thuộc diện chính sách.

Liên Bộ sẽ có hướng dẫn về mức chi và danh mục bệnh tật được cấp phát thuốc ngoại trú nói ở phần II điểm 1 và về mức chi, biện pháp cấp phát thuốc cho các đối tượng chính sách nói ở phần II điểm 2 nói trên.

3. Chi về mua sắm trang thiết bị, dụng cụ đồ đạc có giá trị lớn, sửa chữa lớn (nhà cửa, máy móc) và xây dựng nhỏ. Các khoản chi này phải được lập dự toán cụ thể, gửi cơ quan tài chính các cấp duyệt. Chỉ được chi theo dự toán được duyệt, không được dùng kinh phí chi cho công việc khác.

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Cơ quan y tế và cơ quan tài chính các cấp căn cứ vào mức chi thường xuyên quy định ở phần I và các khoản chi ngoài định mức quỹ định ở phần II để tính toán cụ thể mức chi cho từng bệnh viện, nhà điều dưỡng trình Ủy ban Nhân dân các cấp xét duyệt.

2. Cơ quan y tế thuộc các Bộ, Tổng cục khác ở Trung ương căn cứ vào định mức chi quy định trên đây, tính toán cụ thể mức chi cho từng bệnh viện, nhà điều dưỡng thuộc Bộ, Tổng cục mình quản lý gửi về Bộ Tài chính xét cấp kinh phí.

3. Những bệnh viện được viện trợ thiết bị toàn bộ, hoặc đang được viện trợ theo chương trình và các bệnh viện tỉnh và thành phố có quy mô từ 500 giường bệnh trở lên, nếu được liên Sở Y tế—Tài chính xem xét đề nghị, thì Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố có thể quyết định định mức chi thường xuyên cao hơn các mức chi tối đa nói trên, sau khi có sự thỏa thuận của liên Bộ Y tế — Tài chính.

4. Đối với các khoản chênh lệch thu sau khi trừ chi (các khoản thu về sản xuất, pha chế thuốc, và các khoản thu về dịch vụ y tế khác), các bệnh viện có thu phải lập dự toán cụ thể để cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính xét duyệt và cho bổ sung vào kinh phí của đơn vị nhằm cải thiện điều kiện làm việc và phục vụ người bệnh.

Trường hợp bệnh viện được các tổ chức quốc tế viện trợ về thuốc men, trang bị và vật tư thông dụng thì thiết bị vật tư thuốc men đó phải được kiểm kê tính trị giá để quản lý theo chế độ hiện hành và phải tính toán huy động sử dụng để giảm cấp phát hàng năm của ngân sách.

5. Thông tư này thay thế Thông tư số 21-TT/LB ngày 22-7-1985 của liên Bộ và có hiệu lực từ ngày ban hành.

K.T. Bộ trưởng

Bộ Tài chính

Thứ trưởng

NGO THIẾT THẠCH

K.T. Bộ trưởng

Bộ Y tế

Thứ trưởng

Gs. PHẠM SONG

BỘ LÂM NGHIỆP

THÔNG TƯ của Bộ Lâm nghiệp
số 9-LN/KL ngày 12-4-1986
quy định thủ tục vận chuyển
gỗ và các loại lâm sản, đặc sản
rừng.

Căn cứ Nghị quyết số 188-HĐBT ngày 23-11-1982 của Hội đồng Bộ trưởng về tăng cường thương nghiệp xã hội chủ

nghĩa và quản lý thị trường; Quyết định số 78-CT ngày 27-2-1984 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về đặt các trạm kiểm soát trên các đường giao thông; Nghị định số 160-HĐBT ngày 10-12-1984 của Hội đồng Bộ trưởng về thống nhất quản lý các loại đặc sản rừng và các văn bản pháp luật hiện hành khác của Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng về lâm nghiệp;

Nhằm tăng cường thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và quản lý thị trường vật tư gỗ, lâm sản, đặc sản rừng; bảo đảm việc lưu thông gỗ, lâm sản, đặc sản rừng về nơi tiêu thụ được thuận tiện, nhanh chóng.

Bộ Lâm nghiệp quy định cụ thể thủ tục vận chuyển các mặt hàng trên như sau:

I. VẬN CHUYỂN GỖ VÀ CÁC LOẠI LÂM SẢN, ĐẶC SẢN RỪNG TRONG CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC

1. Gỗ tròn, gỗ xẻ, các loại lâm sản khác (tre, nứa, vầu, luồng...) do các cơ quan cung ứng lâm sản ngành lâm nghiệp phân phối, khách hàng vận chuyển trên đường về nơi sử dụng. Thủ tục gồm có:

— Phiếu cấp vật tư lâm sản hoặc phiếu ủy nhiệm nhận vật tư lâm sản, do các cơ quan cung ứng lâm sản cấp. Trường hợp có khối lượng lớn vật tư lâm sản không thể vận chuyển gọn trong một chuyến, khách hàng chỉ phải đăng ký phiếu trên lần vận chuyển đầu tiên tại trạm kiểm soát cuối tỉnh, thành phố (viết tắt là tỉnh) có gỗ và lâm sản xuất phát;

— Hóa đơn kèm phiếu xuất kho vật tư lâm sản, do đơn vị xuất vật tư lâm sản cấp (Trong đó liên 1 khách hàng giữ, liên 2 khách hàng giao trạm kiểm soát trên, liên 3 và liên 4 lưu đơn vị xuất vật tư lâm sản).

— Lý lịch gỗ tròn hoặc bảng kê gỗ xẻ của từng chuyến phương tiện vận tải;

— Lệnh điều động phương tiện.

2. Vận chuyển gỗ và các loại lâm sản khác do các Sở Lâm nghiệp, các Liên hiệp